

2020/2/14

股東大會公佈

證券 編碼	證券 種類	面值	證券所	最後 登記日	除權日	目的	會議時間	會議地點
PVI	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/2/26	2020/2/25	召開2020年的股東年度大會	預計 2020/3/20	Tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
VE2	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/2	2020/2/28	召開2020年的股東年度大會	再通知	Hội trường Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO2
TV3	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/9	2020/3/6	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
NTP	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/4	2020/3/3	召開2020年的股東年度大會	2020/4/11	Hội trường Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (số 222 đường Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)
BCC	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/2/28	2020/2/27	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
HCC	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/10	2020/3/9	召開2020年的股東年度大會	預計 2020/4/18	峴港分公司： số 53 Trường Sơn, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
HBE	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/6	2020/3/5	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
EID	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/2/27	2020/2/26	召開2020年的股東年度大會	2020/4/17	Tòa nhà văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
IDJ	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/7	2020/3/3	召開2020年的股東年度大會	2020/3/25	Tầng 3, Tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, P.Trung Hoà, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội
BTS	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/20	2020/3/19	召開2020年的股東年度大會	預計 2020年4月底	在公司
LM7	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/18	2020/3/17	召開2020年的股東年度大會	-	-
KBC	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/3/2	2020/3/3	召開2020年的股東年度大會	預計 2020年4月內	再通知
RDP	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/3/4	2020/3/3	召開2020年的股東年度大會	2020/4/4	Lô H1-H9, đường số 8, KCN Tân Đô, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
S4A	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/3/3	2020/3/2	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
REE	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/3/3	2020/3/2	召開2020年的股東年度大會	2020/3/31	Hội trường Toà nhà E.town - số 364 Cộng Hoà, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM